

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN GIỒNG TRÔM
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2021/HS-ST

Ngày: 13-4-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GIỒNG TRÔM, TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Nguyễn Yến Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Bé

Ông Đỗ Thanh Tuyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Minh Thơ - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Ông Võ Minh Trung - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 4 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 03/2021/TLST-HS ngày 03 tháng 3 năm 2021, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 05/2021/QĐXXST-HS ngày 29 tháng 3 năm 2021 đối với bị cáo:

LÊ THỊ HỒNG P (tên gọi khác: N), sinh năm 1982 tại tỉnh Bến Tre; Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre; Nghề nghiệp: buôn bán; Trình độ học vấn: 6/12; Dân tộc: kinh; Giới tính: nữ; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn N, sinh năm 1954 và bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1956; Chồng: Nguyễn Văn Giọt A, sinh năm 1981; Có 01 người con sinh năm 2014; Tiền án: không; Tiền sự: không; Bị cáo tại ngoại. (có mặt)

- Bị hại: Ông Lê Văn Q, sinh năm 1971 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre

- Người làm chứng:

1. Bà Phạm Thị L, sinh năm 1979 (có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre

2. Bà Mai Thị Lệ T, sinh năm 1974 (vắng mặt)

Nơi cư trú: số 75A2, khu phố 4, phường 8, thành phố B, tỉnh Bến Tre

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 09 giờ 30 phút ngày 10/12/2020, ông Lê Văn Q dựng xe mô tô biển số 71B4 – 412.61 ở nhà tiền chế phía trước nhà chính, trên xe còn gắn chìa khóa xe, trong cốp xe có 65.000.000 đồng, chia làm 02 sấp gồm: 01 sấp tiền 50.000.000 đồng để bên dưới đáy giấy tờ và đồ vật cá nhân lên, 01 sấp tiền 15.000.000 đồng được cột bằng dây thun, tất cả tiền là tờ Polime mệnh giá 500.000 đồng. Dựng xe

xong, ông Q lên văng ở khu vực nhà tiền chế nằm và ngủ quên. Khoảng 10 giờ 20 phút cùng ngày, Lê Thị Hồng P là người thuê mặt bằng phía trước nhà ông Q để bán trái cây vào nhà ông Q nhờ bà Phạm Thị L là người giúp việc nhà ông Q trông hàng bán trái cây giúp P. Lúc này, thấy ông Q đang nằm ngủ trên văng, P đi ngang dùng tay chạm vào yên xe mô tô biển số 71B4 – 412.61 thấy yên không khóa, nên mở yên và phát hiện bên trong cốp xe có tiền, P lấy trộm một phần tiền trong sấp tiền 15.000.000 đồng bỏ vào túi áo rồi khóa yên xe lại, rút chìa khóa để trên bàn nhà bếp. Sau đó, P điều khiển xe mô tô của P đi thành phố Bến Tre lấy trái cây, P đến thành phố Bến Tre đếm số tiền vừa trộm được 6.500.000 đồng, P điện thoại gặp bà Mai Thị Lệ T để hẹn gặp trả số tiền mà P nợ trước đó là 5.700.000 đồng. P đưa 6.000.000 đồng cho bà T, bà T thối lại 300.000 đồng, số tiền còn lại P sử dụng mua hàng hóa về bán. Khoảng 11h10 phút cùng ngày, ông Q thức dậy ăn cơm và phát hiện chìa khóa xe không còn gắn ở xe mô tô nữa nên đi tìm thì thấy chìa khóa để ở trên bàn nhà bếp. Ông Q lấy chìa khóa mở yên xe thì phát hiện số tiền bên trong cốp xe đã bị lấy trộm một phần nên trình báo Công an. Đến ngày 11/12/2020, P thừa nhận với ông Q đã trộm cắp tiền của ông Q, đồng thời đến Cơ quan Công an báo cáo sự việc và giao nộp lại số tiền đã trộm là 6.500.000 đồng.

Tại bản cáo trạng số 04/CT-VKSGT ngày 02 tháng 3 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện G, tỉnh Bến Tre đã truy tố bị cáo Lê Thị Hồng P về tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố và đề nghị tuyên bố bị cáo Lê Thị Hồng P phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 65 Bộ luật Hình sự: xử phạt bị cáo Lê Thị Hồng P từ 06 đến 12 tháng tù, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 01 đến 02 năm.

- Về trách nhiệm dân sự: ghi nhận bị hại Lê Văn Q đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt và không yêu cầu gì khác.

- Về xử lý vật chứng: Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại số tiền 6.500.000 đồng cho ông Lê Văn Q nên không đề cập.

Bị cáo Lê Thị Hồng P khai nhận hành vi phạm tội phù hợp với nội dung cáo trạng truy tố.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị hại và người làm chứng vắng mặt. Tuy nhiên, trong quá trình điều tra đã có lời khai rõ ràng và phân trách nhiệm dân sự đã được thỏa

thuận giải quyết xong nên sự vắng mặt của họ không gây trở ngại cho việc xét xử. Do đó, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị hại và người làm chứng theo quy định tại khoản 1 Điều 292 và khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[3] Lời khai nhận tội của bị cáo Lê Thị Hồng P tại phiên tòa phù hợp với lời khai của bị hại và người làm chứng, phù hợp với biên bản khám nghiệm hiện trường, bản ảnh hiện trường, biên bản thực nghiệm điều tra, bản ảnh thực nghiệm điều tra, tang vật thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác đã được thu thập trong quá trình điều tra, có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 10 giờ 30 phút ngày 10/12/2020, tại quán nước giải khát của ông Lê Văn Q ở ấp P, xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre, bị cáo Lê Thị Hồng P đã có hành vi lén lút chiếm đoạt của bị hại Lê Văn Q số tiền 6.500.000 đồng.

[4] Bị cáo Lê Thị Hồng P là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của công dân có giá trị trên 2.000.000 đồng nhưng chưa đến 50.000.000 đồng với lỗi cố ý trực tiếp vì động cơ tư lợi, xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật hình sự bảo vệ. Vì vậy, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận bị cáo Lê Thị Hồng P phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, bị cáo nhận thức được rằng tài sản thuộc sở hữu hợp pháp của công dân được Nhà nước bảo hộ, mọi hành vi xâm phạm một cách trái pháp luật đều phải bị xử lý. Nhưng xuất phát từ bản tính tham lam, lười biếng lao động, muốn có tiền tiêu xài mà không phải bỏ công sức nên bị cáo đã thực hiện hành vi lén lút chiếm đoạt tài sản của bị hại, gây khó khăn trong cuộc sống, kinh tế và sinh hoạt của họ, gây mất trật tự, an toàn xã hội và bất bình trong nhân dân nên cần xử lý nghiêm theo quy định của pháp luật.

[6] Xét về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng: bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Xét tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, bị cáo không phạm vào tình tiết tăng nặng. Xét các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng như: đã bồi thường thiệt hại cho bị hại, phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, có thái độ khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, bị hại yêu cầu giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự bị cáo được hưởng theo quy định tại điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, được hưởng nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nên không cần thiết bắt bị cáo chấp hành hình phạt tù mà cho bị cáo được hưởng án treo, ấn định thời gian thử thách, giao bị cáo cho chính quyền địa phương kết hợp cùng gia đình giám sát cũng đủ điều kiện giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[7] Lời phát biểu luận tội của Kiểm sát viên tại phiên tòa về tội danh, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt áp dụng đối với bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về hình phạt bổ sung: xét về hoàn cảnh kinh tế, bị cáo không có thu nhập ổn định, không có tài sản nên không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

Tiền Việt Nam số tiền 6.500.000 đồng là tài sản của bị hại Lê Văn Q nên Cơ quan điều tra đã xử lý trả lại cho ông Q là phù hợp nên ghi nhận.

[10] Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại Lê Văn Q đã nhận lại tài sản bị chiếm đoạt là số tiền 6.500.000 đồng và không yêu cầu gì khác nên ghi nhận.

[11] Đối với Mai Thị Lệ T đã có hành vi nhận số tiền 5.700.000 đồng do bị cáo trộm của bị hại Q. Tuy nhiên, bà T không biết số tiền trên là do bị cáo trộm của ông Q nên không truy cứu trách nhiệm hình sự là phù hợp.

[12] Về án phí hình sự sơ thẩm, bị cáo Lê Thị Hồng P phải nộp theo quy định tại Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lê Thị Hồng P (tên gọi khác: N) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

1. Áp dụng khoản 1 Điều 173; điểm b, h, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật Hình sự:

Xử phạt bị cáo: Lê Thị Hồng P (N) 06 (sáu) tháng tù nhưng cho bị cáo hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm tính từ ngày tuyên án sơ thẩm ngày 13/4/2021.

Giao bị cáo Lê Thị Hồng P cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện G, tỉnh Bến Tre giám sát giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình của bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong việc giám sát giáo dục bị cáo. Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 92 và Điều 68 Luật Thi hành án hình sự năm 2019.

Trong thời gian thử thách nếu bị cáo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật Thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù của bản án này. Trường hợp thực hiện hành vi phạm tội mới thì Tòa án buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt của bản án này và tổng hợp hình phạt của bản án mới theo quy định tại Điều 56 Bộ luật Hình sự.

2. Về án phí: áp dụng Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Thị Hồng P phải nộp án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm nghìn) đồng.

3. Về quyền kháng cáo: bị cáo Lê Thị Hồng P có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm. Đối với bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định pháp luật.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND tỉnh Bến Tre (1b);
- VKSND huyện G (1b);
- Cơ quan điều tra CA huyện G (1b);
- Cơ quan THAHS CA huyện G (1b);
- Chi cục THA dân sự huyện G (1b);
- Sở Tư pháp tỉnh Bến Tre (1b);
- UBND xã P, huyện G(1b);
- Bị cáo, bị hại (2b);
- Bộ phận thi hành án hình sự (2b);
- Lưu (văn phòng, hồ sơ vụ án) (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đào Nguyễn Yến Phương